

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi

con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vy Văn Lâm.

Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Chu Hương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1997. Địa chỉ: Ngõ 1, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ngõ 1, đường C, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2022, trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Lưu Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/5/2019, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian, sau đó thì cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất

đồng trong quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lưu A, sinh ngày 31/5/2020, hiện đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, hiện chị Q đang làm công nhân mức lương từ trên 5.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lưu Văn Đ đã được Tòa án tổng Đ, triệu tập hợp lệ nhưng anh Đ không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chị Q được ly hôn với anh Đ. Về nuôi con: Chị Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lưu Văn Đ, đăng ký kết hôn ngày 10/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, hiện nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 28/7/2022 của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lưu Văn Đ có 01 người con chung, cháu Lưu A, sinh ngày 31/5/2020. Xét thấy, nguyên đơn có điều kiện nuôi con, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không hợp tác, không có ý kiến nguyện vọng về việc được nuôi con, hiện nay con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nguyên đơn chưa yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Lưu Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lưu Văn Đ có 01 người con chung, cháu Lưu A, sinh ngày 31/5/2020, sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lưu Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị Nguyễn Thị Q chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Nguyễn Thị Q đã nộp 300.000 đồng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004281 ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn